



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ
HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA NGÀNH NGÂN HÀNG**

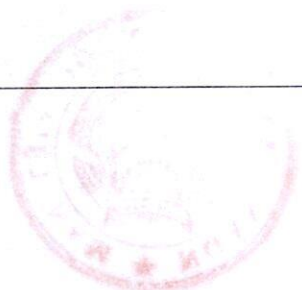
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan đối với hồ sơ dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Ngân hàng (dự thảo Nghị định).

1. Tổng số đơn vị đã gửi xin ý kiến góp ý gồm 10 bộ, ngành: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Kiểm toán nhà nước.

Số bộ, ngành tham gia ý kiến: 08/10 bộ, ngành. Trong đó, có 02 bộ, ngành nhất trí; 06 bộ, ngành tham gia ý kiến đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định.

2. Kết quả cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ; ĐIỀU, KHOẢN	BỘ, NGÀNH GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ			
Về hồ sơ dự thảo Nghị định	Bộ Quốc phòng	Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, chỉnh lý, hoàn chỉnh đảm bảo đúng quy định tại Mẫu số 02 phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu. NHNN đã rà soát và hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ theo quy định
Về sự cần thiết ban hành	Bộ Tư pháp	Khoản 3 Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025 quy định: “Cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Chính phủ”. Bên cạnh đó, ngày 13/4/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số	

		755/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, Quyết định số 755/QĐ-TTg đã giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham mưu Chính phủ ban hành các Nghị định quy định tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước theo trình tự, thủ tục rút gọn. Do đó, Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định.	
--	--	--	--

II. ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tại phần căn cứ ban hành Nghị định	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung, cụ thể: - Chỉnh sửa “Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền số 06/2012/QH13” thành: “Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13”; - Bổ sung căn cứ “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15”.	Tiếp thu ý kiến, NHNN đã: - Chỉnh sửa “Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền số 06/2012/QH13” thành “Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13”. - Bổ sung căn cứ “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15”.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng năm 2025 vào căn cứ ban hành Nghị định.	
Nội dung quy định tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thanh tra ngành Ngân hàng).	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị rà soát, biên tập lại nội dung thành: “Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...” hoặc “Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...” cho phù hợp với Điều 1 và khoản 1 Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025.	Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, NHNN đã sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định thành: Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thanh tra ngành Ngân hàng).
Nội dung quy định tại Điều 2 về đối tượng áp dụng: 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Thống đốc Ngân hàng	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bỏ khoản 2. Lý do: Đã được quy định cụ thể tại Điều 3.	Giữ nguyên như tại dự thảo, lý do: Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về “Đối tượng áp dụng” bao quát toàn bộ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra

Nhà nước, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (Ngân hàng Nhà nước Khu vực), Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, Thanh tra viên của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra của Ngân hàng Nhà nước. 2. Đối tượng thanh tra ngân hàng quy định tại Điều 3 Nghị định này.			của NHNN. Trong đó, “đối tượng thanh tra ngân hàng” là một trong các đối tượng áp dụng của Nghị định này và được quy định cụ thể tại Điều 3. <u>Do vậy, quy định như tại dự thảo là phù hợp.</u> Tuy nhiên, NHNN chỉnh sửa lại khoản 2 Điều 2 để bảo đảm rõ ràng hơn như sau: “2. Đối tượng thanh tra ngân hàng theo quy định tại Điều 3 Nghị định này”. Giữ nguyên như tại dự thảo, lý do: Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định đã quy định về đối tượng áp dụng nghị định: <i>1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam..., cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra của Ngân hàng Nhà nước.</i> Như vậy, “cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài” là một chủ thể thuộc “cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra của NHNN” nêu tại khoản 1 Điều 2. <u>Do vậy, quy định về đối tượng áp dụng như tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định là phù hợp.</u>
Nội dung quy định tại Điều 3 về đối tượng thanh tra ngân hàng: 1. Đối tượng thanh tra ngân hàng được quy định tại Điều 52 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Doanh nghiệp nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 3. Đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. 4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi.	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị xem xét sửa đổi tên Điều 3 “Đối tượng thanh tra ngân hàng” thành “Đối tượng thanh tra ngành Ngân hàng” cho phù hợp với Điều 1 về phạm vi điều chỉnh và không bị trùng lặp với đối tượng tại khoản 1 Điều 3 theo quy định tại Điều 52 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đồng thời rà soát sửa đổi thống nhất cụm từ này tại các Điều, khoản tiếp theo.	Về ý kiến của Kiểm toán nhà nước và Bộ Công an, NHNN giải trình như sau: - Việc sử dụng cụm từ “đối tượng thanh tra ngân hàng” phù hợp với quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị định về phạm vi điều chỉnh. Đây cũng là thuật ngữ được sử dụng quen thuộc, ổn định trong hệ thống pháp luật về tiền tệ, ngân hàng. Do vậy, quy định về đối tượng thanh tra ngân hàng như tại dự thảo Nghị định là phù hợp. - Căn cứ quy định tại tiết c khoản 1 Điều 13 Luật Thanh tra, Thanh tra NHNN có nhiệm vụ, quyền hạn “Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật,
	Bộ Công an	Tại Điều 52 Luật NHNN Việt Nam đã quy định cụ thể về các đối tượng thanh tra ngân hàng. Qua rà soát, Luật NHNN Việt Nam không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về đối tượng thanh tra ngân hàng;	

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.		đồng thời, tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định các đối tượng thanh tra ngân hàng khác với quy định tại Điều 52 Luật NHNN Việt Nam. Do đó, đề nghị làm rõ cơ sở quy định các đối tượng tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.	nhiệm vụ, quyền hạn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ”. Do đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN như nêu tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 là cần thiết để cụ thể hoá, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN. Cụ thể như sau: Khoản 2. Doanh nghiệp nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Thống đốc NHNN: Theo quy định, Công ty quản lý tài sản của các TCTD (VAMC)... là đối tượng chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra của NHNN nhưng chưa được quy định tại Điều 52 Luật Ngân hàng Nhà nước. Khoản 3. Đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền: Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Phòng chống rửa tiền, NHNN có nhiệm vụ “Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, ...”. Khoản 4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi: Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Bảo hiểm tiền gửi, NHNN thực hiện chức năng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi. Khoản 5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của Thống đốc NHNN và theo quy định của pháp luật: Quy định này nhằm bao quát
---	--	--	---

			đầy đủ các đối tượng thuộc thẩm quyền thanh tra của Thanh tra ngành Ngân hàng theo quy định tại tiết c khoản 1 Điều 13 Luật Thanh tra.
Nội dung quy định tại Điều 4 về nguyên tắc thanh tra ngân hàng: 1. Bảo đảm tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương. 2. Kết hợp thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật với đánh giá rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng. 3. Nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật về thanh tra	Thanh tra Chính phủ	Nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định nguyên tắc thanh tra ngân hàng tại Điều 4 dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định tại Điều 4 Luật Thanh tra năm 2025, trong đó xem xét nguyên tắc thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra là nguyên tắc đầu tiên trong hoạt động thanh tra.	Tiếp thu ý kiến của Thanh tra Chính phủ, NHNN đã rà soát, chỉnh sửa đưa nguyên tắc thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra là nguyên tắc đầu tiên trong hoạt động thanh tra. Cụ thể: 1. <i>Tuân theo nguyên tắc hoạt động thanh tra quy định tại Luật Thanh tra và nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.</i> 2. <i>Bảo đảm tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương.</i> 3. <i>Kết hợp thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật với đánh giá rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng.</i>
Nội dung quy định tại Điều 5 về thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng: 1. Thanh tra ngành Ngân hàng có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán một phần hoặc toàn bộ nội dung về tổ chức, hoạt động, tài chính nhằm phục vụ yêu cầu hoạt động thanh tra trong các trường hợp sau đây: a) Tổ chức tín dụng có nguy cơ bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, thuộc diện kiểm soát đặc biệt hoặc đang được xem xét để kết thúc kiểm soát đặc biệt; b) Tổ chức tín dụng được tổ chức lại theo quy định của pháp luật;	Bộ Tư pháp	Điều 5 dự thảo nghị định quy định về việc thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng. Nội dung này được kế thừa từ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP và Nghị định số 146/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy: Thứ nhất, điểm r khoản 1 Điều 38 Luật Thanh tra năm 2025 quy định, người ra quyết định thanh tra quy định: thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của luật. Như vậy, ngoài các quyền được quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Thanh tra, người ra quyết định thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của luật. Trong khi đó, Luật Thanh tra năm 2025 không có quy định về yêu cầu kiểm toán độc lập; đồng	1. Cơ sở pháp lý có liên quan quy định “thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng”: (i) Luật Các TCTD năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định các trường hợp TCTD phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập theo yêu cầu của NHNN, cụ thể: + Khoản 3 Điều 57 quy định: “3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết”. + Khoản 1 Điều 59 quy định “Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong

c) Khi cần đánh giá thực trạng tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ; d) Khi số liệu, tài liệu do đối tượng thanh tra ngân hàng cung cấp có dấu hiệu sai lệch hoặc không đáng tin cậy; đ) Khi nội dung thanh tra vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật hoặc nguồn lực của đoàn thanh tra; e) Trường hợp khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định. 2. Đối tượng thanh tra ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải thanh toán các chi phí kiểm toán độc lập. 3. Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán đối tượng thanh tra ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật có liên quan. 4. Trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu kiểm toán độc lập: a) Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng theo phân cấp thẩm quyền được giao thực hiện kiểm toán độc lập, trong văn bản nêu rõ tối thiểu các nội dung sau: Mục đích, yêu cầu kiểm toán, phạm vi, nội dung kiểm toán, thời gian kiểm toán, thời hạn nộp báo cáo kết quả kiểm toán.	thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 57, khoản 4 Điều 156, khoản 1 Điều 167 Luật Tổ chức tín dụng năm 2024, trong các trường hợp cần thiết, trường hợp cần can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nhà nước hoặc trường hợp kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng thì quyền yêu cầu kiểm toán độc lập thuộc về Ngân hàng Nhà nước hoặc Ban kiểm soát đặc biệt (do Ngân hàng Nhà nước thành lập). <i>Thứ hai</i>, khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: “Thanh tra Ngân hàng có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán một phần hoặc toàn bộ nội dung về tổ chức, hoạt động, tài chính...” nhưng quy định cũng chưa làm rõ việc Thanh tra Ngân hàng yêu cầu thực hiện kiểm toán độc lập trong thời điểm nào? (trong hoạt động thanh tra hay bao gồm cả khi không tiến hành thanh tra) <i>Thứ ba</i>, khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước khu vực, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng theo phân cấp thẩm quyền được giao thực hiện kiểm toán độc lập. Như vậy, dự thảo Nghị định quy định không thống nhất về chủ thể có quyền yêu cầu kiểm toán độc lập bắt buộc. Bởi lẽ, bên cạnh Chánh Thanh tra Ngân hàng các cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 5 thì khoản 4 Điều 5 còn quy định Giám đốc Ngân hàng Nhà nước khu vực cũng có thẩm quyền này. <i>Thứ tư</i>, khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định Thanh tra Ngân hàng có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra thuê kiểm toán	việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo”. + Khoản 4 Điều 156 quy định: “4. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục”. + Khoản 1 Điều 167 quy định Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu TCTD được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của TCTD, trừ quỹ tín dụng nhân dân... (ii) Tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 26/2025/CP-NĐ ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về việc NHNN có nhiệm vụ, quyền hạn như sau: “10. Kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động ngoại hối...; <u>có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật...</u>”. (iii) Điều 4, 5 Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định: “Điều 4. Phạm vi kiểm toán 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Thông tư này để thực hiện: a) Kiểm toán báo cáo tài chính;
--	---	---

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thực hiện kiểm toán, đối tượng thanh tra ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán theo yêu cầu của Thanh tra ngành Ngân hàng; trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán, đối tượng thanh tra ngân hàng được yêu cầu thực hiện kiểm toán phải gửi báo cáo kết quả kiểm toán cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

độc lập trong các trường hợp như: “tổ chức tín dụng có nguy cơ bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, thuộc diện kiểm soát đặc biệt...”; “Trường hợp khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định”... Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 9 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 thì kiểm toán bắt buộc là kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các thông tin tài chính khác của đơn vị được kiểm toán... Bên cạnh đó, Điều 10 Luật này chỉ quy định khuyến khích kiểm toán doanh nghiệp, tổ chức thuê doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các công việc kiểm toán khác trước khi nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trước khi công khai tài chính.

Như vậy, quy định về kiểm toán bắt buộc tại dự thảo Nghị định là chưa bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Thanh tra, Luật Các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, các trường hợp yêu cầu kiểm toán độc lập tại dự thảo Nghị định cũng chưa phù hợp với quy định về kiểm toán bắt buộc theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập năm 2011.

**Bộ Quốc
phòng**

Đề nghị làm rõ chủ thể có quyền yêu cầu tại khoản 1 (Chánh Thanh tra ngân hàng hay Trưởng đoàn thanh tra hay chủ thể nào khác?).

**Thanh tra
Chính
phủ**

Cần nhắc, làm rõ cơ sở của việc quy định một số nội dung trong dự thảo Nghị định như: Thẩm quyền yêu cầu kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng.

**Bộ Quốc
phòng**

Tại khoản 4 Điều 5, đề nghị bổ sung “Trưởng đoàn thanh tra” sau cụm từ “Chánh Thanh tra

b) Dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

...

Điều 5. Khuyến khích kiểm toán

Ngân hàng Nhà nước khuyến khích tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập để kiểm toán đối với các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

Như vậy, trên cơ sở các quy định pháp luật nêu trên: **NHNN có quyền** yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Đây là quy định có tính đặc thù, giúp tăng cường tính khách quan, chuyên sâu trong quá trình thanh tra, nhất là trong bối cảnh dữ liệu tài chính ngày càng phức tạp, cần có sự tham gia của các tổ chức kiểm toán chuyên môn cao.

2. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Thanh tra Chính phủ về **thẩm quyền yêu cầu kiểm toán độc lập**, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa quy định về thẩm quyền yêu cầu kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng để phù hợp với các quy định có liên quan như sau:

“Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán một phần hoặc toàn bộ nội dung về tổ chức, hoạt động, tài chính nhằm phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng trong các trường hợp sau đây...”

3. Đối với ý kiến của Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng về việc **quy định thống nhất về chủ**

		Ngân hàng Nhà nước khu vực". Lý do: Tránh tùy tiện trong việc yêu cầu thuê tổ chức kiểm toán độc lập.	thể có quyền yêu cầu kiểm toán độc lập , NHNN đã rà soát và quy định thống nhất chủ thể có quyền yêu cầu kiểm toán độc lập là Thống đốc NHNN, được quy định cụ thể tại khoản 15 Điều 8 và khoản 6 Điều 10 dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau: Khoản 15 Điều 8 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra NHNN " <u>Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng.</u> " Khoản 6 Điều 10 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra NHNN Khu vực " <u>Đề xuất với Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng.</u> " Việc quy định về trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu kiểm toán độc lập như trên làm rõ thêm thẩm quyền yêu cầu kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng. Việc quy định như trên bảo đảm thống nhất về chủ thể yêu cầu kiểm toán độc lập.
	Bộ Quốc phòng	Tại điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 5, đề nghị làm rõ điều kiện định lượng cụ thể trong các trường hợp này như thế nào thì mới được yêu cầu đối tượng thanh tra thuê tổ chức kiểm toán độc lập.	
	Bộ Công an	Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về quyền yêu cầu kiểm toán độc lập, điều này có ý nghĩa tăng cường tính minh bạch, Tuy nhiên, cần xác định rõ tiêu chí "dấu hiệu sai lệch" hay "vượt quá khả năng chuyên môn", nên quy định cơ chế giám sát và phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập để đảm bảo khách quan và phù hợp chuẩn mực kế toán - kiểm toán.	4. Đối với ý kiến của Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ việc Thanh tra Ngân hàng yêu cầu thực hiện kiểm toán độc lập trong thời điểm nào, NHNN giải trình như sau: Căn cứ yêu cầu quản lý, nội dung, mục đích thanh tra và trên cơ sở tình hình thực tế, <u>khi xét thấy cần thiết</u> , Chánh Thanh tra NHNN và Chánh Thanh tra NHNN Khu vực theo thẩm quyền sẽ kiến nghị Thống đốc NHNN quyết định việc yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập phục vụ

yêu cầu thanh tra ngân hàng (bao gồm cả các trường hợp phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước về thanh tra ngân hàng và phát sinh trong quá trình triển khai thanh tra).

5. Đối với ý kiến của Bộ Tư pháp về trường hợp yêu cầu kiểm toán bắt buộc được quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD “*Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo*” và Điều 9 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 không thuộc các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định.

6. Đối với ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về việc **làm rõ một số tiêu chí để xác định các trường hợp cần yêu cầu thuê kiểm toán độc lập** phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng, NHNN giải trình như sau:

Việc sử dụng tổ chức kiểm toán độc lập trong công tác thanh tra chỉ phát sinh trong một số trường hợp nhất định. Quy định cụ thể các trường hợp sử dụng tổ chức kiểm toán độc lập trong công tác thanh tra sẽ giúp việc triển khai trên thực tế được thống nhất, rõ ràng về phạm vi, mức độ cần thiết phải sử dụng tổ chức kiểm toán độc lập.

NHNN nhận thấy việc đưa ra tiêu chí cụ thể để xác định khi nào là cần thiết phải thuê kiểm toán độc lập đánh giá thực trạng tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD; hoặc thế nào là “dấu hiệu sai lệch” hoặc “vượt quá khả năng chuyên

môn” là chưa khả thi. Lý do là hoạt động thanh tra ngân hàng liên quan đến nhiều lĩnh vực nghiệp vụ tài chính - ngân hàng phức tạp, các tình huống phát sinh đa dạng, mang tính đặc thù theo từng tổ chức tín dụng, từng thời điểm và phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế - xã hội. Nếu chỉ liệt kê một số tiêu chí nhất định thì sẽ không bao quát hết các trường hợp thực tế, trong khi việc áp dụng cứng nhắc có thể làm giảm tính linh hoạt và hiệu quả của hoạt động thanh tra. Do vậy, việc đánh giá sẽ được căn cứ vào chuẩn mực kế toán - kiểm toán, quy định pháp luật liên quan và kết quả phân tích rủi ro của Thanh tra NHNN trong từng trường hợp.

Tuy nhiên, để bảo đảm phù hợp với các quy định liên quan, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa quy định tại Khoản 1 như sau:

- Giữ lại điểm d, đ và e do những trường hợp được quy định tại các điểm này thể hiện rõ mục đích của việc yêu cầu TCTD thuê kiểm toán độc lập nhằm phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng.

- Lược bỏ điểm a và b do quy định tại các điểm này chỉ nhắc đến đối tượng mà không thể hiện rõ mục đích cần yêu cầu TCTD thuê kiểm toán độc lập nhằm phục vụ yêu cầu thanh tra ngân hàng.

- Đối với điểm c, lược bỏ nội dung liên quan đến “*Khi cần đánh giá... hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết*” do đã có quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Giữ lại nội dung về “*Khi cần đánh giá thực trạng tài chính*”.

7. Đối với ý kiến của Bộ Công an về việc nên quy định **cơ chế giám sát và phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán**

			độc lập để đảm bảo khách quan và phù hợp chuẩn mực kế toán - kiểm toán, NHNN giải trình như sau: Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức kiểm toán độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện chặt chẽ về thời gian hoạt động, vốn chủ sở hữu, số lượng và kinh nghiệm của kiểm toán viên hành nghề, quan hệ tín dụng, quan hệ sở hữu, thời hạn kiểm toán liên tục, cũng như không bị xử lý vi phạm trong thời gian gần nhất. Đây chính là cơ chế sàng lọc bảo đảm các tổ chức kiểm toán độc lập có đủ năng lực, khách quan và phù hợp chuẩn mực kế toán - kiểm toán khi thực hiện kiểm toán cho các đối tượng thanh tra ngân hàng. Đồng thời, việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập vẫn phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các hướng dẫn của NHNN, qua đó bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong thực tiễn áp dụng.
Nội dung quy định tại Điều 7 về Thanh tra Ngân hàng Nhà nước: 1. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước là tổ chức hành chính thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân	Bộ Quốc phòng Kiểm toán nhà nước	Đề nghị bổ sung cụm từ “lãng phí” sau cụm từ “tham nhũng”. Đề nghị xem xét chỉnh sửa khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định để tránh trùng lặp ý khi trình bày, cụ thể: biên tập, chỉnh sửa khoản 1 thành: “<i>Thanh tra Ngân hàng Nhà nước là tổ chức hành chính thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với cơ</i>	Giữ nguyên dự thảo, lý do: Nội dung tại điều này đã bám sát quy định tại Điều 5 Luật Thanh tra “<i>Cơ quan thanh tra có chức năng giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật</i>”. Theo đó, đối với nội dung “... thực hiện quản lý nhà nước...” quy định tại Điều 5

thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. ...		<i>quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chịu sự chỉ đạo, điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ”.</i>	Luật Thanh tra không bao gồm cụm từ “lãng phí”. Do vậy, quy định như tại dự thảo Nghị định là phù hợp và không trùng lặp ý.
	Bộ Nội vụ	Về chức năng của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, đề nghị rà soát, biên tập lại chức năng của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tại dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Luật Thanh tra; Luật Phòng, chống rửa tiền; Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Bảo hiểm tiền gửi; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng như kế thừa những quy định còn phù hợp tại Nghị định số 26/2014/NĐ-CP.	Giữ nguyên dự thảo, lý do: Quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định thể hiện rõ Thanh tra NHNN vừa là đơn vị tham mưu, giúp Thống đốc NHNN quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; vừa là cơ quan thực hiện trực tiếp hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của NHNN. Đây là sự cụ thể hóa quy định tại Luật Thanh tra năm 2025 về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ; đồng thời phản ánh đúng đặc thù quản lý ngành Ngân hàng. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định đã tiếp thu, kế thừa có chọn lọc nhiều quy định còn phù hợp trong Nghị định số 26/2014/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định và thực tiễn trong tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Ngân hàng, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra trong điều kiện mới.
Nội dung quy định tại Điều 8 về nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước: 1. Chỉ đạo việc xây dựng; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 7 Điều 8 dự thảo Nghị định: có quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước trong việc quyết định thanh tra lại. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa có nội dung quy định cụ thể việc thực hiện thanh tra lại đối với Thanh tra Ngân hàng	Giữ nguyên dự thảo, lý do: Khoản 7 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định “<i>Quyết định việc thanh tra lại đối với kết luận thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành khi có căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Luật Thanh tra</i>”. Nội dung liên

tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước. 2. Quyết định thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước. 3. Quyết định thanh tra đối với vụ việc thuộc thẩm quyền khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng; thanh tra vụ việc khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao. 4. Trưng tập thanh tra viên của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực hoặc người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp của các cơ quan, đơn vị khác tham gia Đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật khi cần thiết. 5. Yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực chỉ đạo Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phân công thực hiện khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực không thực hiện yêu cầu thì báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định. 6. Quyết định việc thanh tra lại đối với kết		Nhà nước được tiến hành như thế nào? đề nghị làm rõ và quy định cụ thể nội dung này.	quan đến việc thanh tra lại đã được quy định tại Điều 25 Luật Thanh tra, Nghị định số 216/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra; trong đó, đã quy định về: căn cứ thanh tra lại; trình tự, thủ tục thanh tra lại; quyết định thanh tra lại; nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra lại; nội dung của kết luận thanh tra lại... Do vậy, dự thảo Nghị định không quy định lại về các nội dung này để tránh trùng lặp
	Kiểm toán nhà nước	Để đảm bảo thực hiện tốt nội dung nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 9 Điều 8 dự thảo Nghị định “<i>Xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan thanh tra khác; báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định việc xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của các cơ quan thanh tra. Phối hợp với Kiểm toán nhà nước để tránh chồng chéo, trùng lặp khi tiến hành thanh tra, kiểm toán</i>”, đề nghị nghiên cứu có quy định cụ thể về việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong kế hoạch thanh tra hàng năm của ngành ngân hàng với hoạt động thanh tra, kiểm toán của các cơ quan khác do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chỉ có nhiệm vụ, quyền hạn “chỉ đạo việc xây dựng; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” quy định tại khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định, còn đối với kế hoạch thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực đang thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực	Tiếp thu ý kiến, NHNN đã rà soát và bổ sung một số nội dung tại dự thảo Nghị định, cụ thể: - Bổ sung quy định về trách nhiệm của Chánh Thanh tra NHNN Khu vực trong việc “Xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra NHNN Khu vực và các cơ quan thanh tra khác; giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán nhà nước”. - Bổ sung quy định về xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra giữa các cơ quan thanh tra tại Điều 24, cụ thể: <i>Điều 24. Phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, kiểm sát, kiểm tra, giám sát</i> 1. Thanh tra ngành Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, kiểm sát, kiểm tra theo quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Thanh tra. ... 4. Chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra giữa các cơ quan thanh tra được xử lý như sau: a) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra của Thanh

luyện thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành khi có căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Luật Thanh tra.		được quy định tại khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị định “Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước khu vực ban hành”.	tra Ngân hàng Nhà nước với cơ quan thanh tra khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ;
7. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 8. Xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan thanh tra khác; báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định việc xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của các cơ quan thanh tra. Phối hợp với Kiểm toán nhà nước để tránh chồng chéo, trùng lặp khi tiến hành thanh tra, kiểm toán....	Thanh tra Chính phủ	Rà soát, nghiên cứu chi tiết một số nội dung trong dự thảo Nghị định như: Xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa Thanh tra Ngân hàng Nhà nước với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực; xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực với nhau; xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực với Thanh tra tỉnh và các cơ quan thanh tra khác....	b) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực thì Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tiến hành thanh tra. c) Chồng chéo, trùng lặp giữa Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực và Thanh tra tỉnh hoặc cơ quan thanh tra khác thì các Chánh Thanh tra trao đổi để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì thanh tra tỉnh hoặc cơ quan thanh tra khác tiến hành thanh tra; d) Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm phối hợp trong hoạt động, trao đổi thường xuyên với Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực khác để tránh chồng chéo, trùng lặp khi tiến hành thanh tra, kiểm tra.
	Kiểm toán nhà nước	Khoản 6 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ngân hàng nhà nước: “Yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước khu vực chỉ đạo Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phân công thực hiện khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực không thực hiện yêu cầu thì báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định”. Tại khoản 3 Điều 20 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: “Yêu cầu Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chỉ đạo Thanh tra	Giữ nguyên dự thảo, lý do: Theo quy định tại dự thảo Nghị định, cả Thống đốc NHNN và Chánh Thanh tra NHNN đều có quyền hạn yêu cầu Giám đốc NHNN khu vực chỉ đạo Thanh tra NHNN Khu vực tiến hành thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật ...; <u>việc chỉ đạo thực hiện theo phân cấp thẩm quyền được giao</u>. Thẩm quyền của Thống đốc NHNN là thẩm quyền quản lý, điều hành chung, mang tính chất chỉ đạo cấp cao; Thống đốc NHNN có quyền trực tiếp yêu cầu Thanh tra NHNN hoặc NHNN Khu vực tiến hành thanh tra bất kỳ đối tượng nào thuộc phạm vi quản lý khi xét thấy cần thiết. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra NHNN là thẩm quyền chuyên môn, nghiệp vụ, mang

		<i>Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật ...”.</i> Do đó, trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, đề nghị nghiên cứu đề quy định và biên tập làm rõ sự khác nhau giữa Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Chánh Thanh tra Ngân hàng nhà nước khi thực hiện nội dung “<i>yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước khu vực chỉ đạo Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành thanh tra</i>”.	tính chất tham mưu, giúp việc cho Thống đốc; việc quy định Chánh Thanh tra NHNN có thể yêu cầu Giám đốc NHNN khu vực chỉ đạo thanh tra nhằm bảo đảm tính kịp thời trong xử lý dấu hiệu vi phạm, đồng thời tạo cơ chế phân cấp, giảm tải cho Thống đốc NHNN trong việc chỉ đạo trực tiếp từng vụ việc cụ thể.
Nội dung quy định tại Điều 9 về thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực 1. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, giúp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện thanh tra đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng trên địa bàn theo sự phân công, phân cấp, ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của pháp luật. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.	Bộ Công an	Đề nghị thuyết minh lý do quy định nhiệm vụ của Thanh tra NHNN Khu vực tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định về “phòng, chống tài trợ khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”, trong khi nhiệm vụ này không được quy định trong nhiệm vụ của Thanh tra NHNN tại Điều 7 dự thảo Nghị định.	Giữ nguyên dự thảo, lý do: Tại Quyết định số 285/QĐ-NHNN ngày 24/02/2025 của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng, chống rửa tiền quy định: Cục Phòng, chống rửa tiền có chức năng tham mưu, giúp Thống đốc NHNN thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ... phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc trách nhiệm của NHNN...”. Theo quy định nêu trên tại NHNN Trung ương, nhiệm vụ “phòng, chống tài trợ khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt” thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cục Phòng, chống rửa tiền; Thanh tra NHNN không thực hiện nhiệm vụ này. Tại các quyết định của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Khu vực, Thanh tra NHNN Khu vực được giao nhiệm vụ: “Thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt...”.
	Thanh tra Chính phủ	Cần nhắc, làm rõ cơ sở của việc quy định một số nội dung trong dự thảo Nghị định như: Chức năng “phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt” tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về vị trí, chức năng của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực.	

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên và công chức khác. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực và ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.	Thanh tra Chính phủ	Cân nhắc, làm rõ cơ sở của việc quy định một số nội dung trong dự thảo Nghị định như: Quy định việc “thống nhất” bằng văn bản khi bổ nhiệm Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định.	Quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định đã bám sát vị trí, chức năng của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước. Tiếp thu ý kiến của Thanh tra Chính phủ, bám sát quy định tại Luật Thanh tra, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc NHNN Việt Nam, dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa quy định này thành như sau: “Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực và ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” (bỏ cụm từ “thống nhất”)
Nội dung quy định tại Điều 10 về nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực ... 5. Đề xuất với Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực khác, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, cơ quan, đơn vị có liên quan cử người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực khi cần thiết. ...	Kiểm toán nhà nước	Khoản 5 Điều 10 Dự thảo Nghị định quy định: “Đề xuất với Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực khác, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, cơ quan, đơn vị có liên quan cử người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực khi cần thiết”. Đề nghị xem xét, cân nhắc sửa đổi thành: “Đề xuất với Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực khác, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, cơ quan, đơn vị có liên quan cử người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực	Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định

		<i>theo quy định của pháp luật khi cần thiết” để đảm bảo chặt chẽ.</i>	
Nội dung quy định tại Điều 11 về xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra hàng năm 1. Kế hoạch thanh tra hàng năm của Thanh tra ngành Ngân hàng bao gồm kế hoạch thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và kế hoạch thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra giữa Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực. 2. Căn cứ vào Định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Khu vực xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Khu vực gửi xin ý kiến Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước về kế hoạch thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cho ý kiến bằng văn bản đối với kế hoạch thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực. Căn cứ ý kiến của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành kế hoạch thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực (chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hàng năm). Kế hoạch	Bộ Tư pháp	Khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định: “căn cứ ý kiến của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành kế hoạch thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực”; đồng thời, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định cũng quy định Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực “xây dựng kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Thanh tra năm 2025 thì Kế hoạch thanh tra là văn bản xác định nhiệm vụ chủ yếu về thanh tra trong 01 năm do Thủ trưởng cơ quan thanh tra ban hành để thực hiện Định hướng chương trình thanh tra và phục vụ yêu cầu quản lý. Như vậy, đề nghị xem xét lại quy định giao Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành kế hoạch thanh tra để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Thanh tra.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và Thanh tra Chính phủ về: 1. Thẩm quyền ban hành kế hoạch thanh tra hàng năm tại NHNN Khu vực, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa quy định này theo hướng Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành kế hoạch thanh tra hàng năm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực sau khi được Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực cho ý kiến. 2. Về thời gian ban hành kế hoạch thanh tra của NHNN Khu vực, NHNN đã chỉnh sửa quy định tại dự thảo Nghị định như sau: <i>“Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực cho ý kiến”.</i> Nội dung quy định như trên đã chỉnh sửa về thời gian ban hành kế hoạch thanh tra của NHNN Khu vực để phù hợp với khoản 2 Điều 18 Luật Thanh tra.
	Thanh tra Chính phủ	Tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định về xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra hàng năm của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Khu vực, đề nghị nghiên cứu, quy định lại theo hướng như sau: - Về xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra của NHNN Khu vực: Chánh Thanh tra NHNN Khu vực xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, trình Giám đốc NHNN Khu vực cho ý kiến về chủ trương; sau khi Giám đốc NHNN Khu vực cho ý kiến bằng văn bản thì Chánh Thanh tra NHNN Khu vực tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra để phù hợp với tinh thần điểm b khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 16 và	

thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Khu vực được gửi đến Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, cơ quan, tổ chức có liên quan và thông báo đến đối tượng thanh tra ngân hàng. 3. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hàng năm, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào Định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho ý kiến đối với kế hoạch thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản đối với kế hoạch thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho ý kiến. Kế hoạch thanh tra hàng năm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước được gửi đến cơ quan, tổ chức có liên quan và thông báo đến đối tượng thanh tra ngân hàng. ...	Bộ Công an	khoản 2 Điều 17 Luật Thanh tra năm 2025. - Về thời gian ban hành kế hoạch thanh tra của NHNN Khu vực: căn nhắc quy định Chánh Thanh tra NHNN khu vực ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Giám đốc NHNN Khu vực cho ý kiến để phù hợp với khoản 2 Điều 18 Luật Thanh tra năm 2025. Điều 11, Điều 23 về cơ chế phối hợp và tránh chồng chéo. Dự thảo đã có quy định tránh chồng chéo nhưng nên làm rõ cơ chế rà soát và xử lý chồng chéo giữa NHNN với Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và cơ quan thanh tra chuyên ngành khác. Cần có cơ chế phối hợp chia sẻ dữ liệu giám sát nội bộ, thông tin điều tra tài chính, đặc biệt trong các vụ việc liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố.	Giữ nguyên dự thảo, lý do: Dự thảo Nghị định đã có quy định về cơ chế phối hợp và tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo đúng quy định tại Điều 56, 57, 58 Luật Thanh tra năm 2025, trong đó đã quy định đầy đủ về nguyên tắc phối hợp giữa cơ quan thanh tra với Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra chuyên ngành khác. Các quy định này mang tính thống nhất, áp dụng chung cho toàn bộ hệ thống thanh tra nhà nước, trong đó có Thanh tra ngành Ngân hàng. Vì vậy, việc thiết kế thêm một cơ chế riêng trong dự thảo Nghị định của NHNN sẽ dẫn đến nguy cơ chồng chéo quy định, không bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, liên quan đến cơ chế chia sẻ dữ liệu giám sát nội bộ, thông tin điều tra tài chính, đây là vấn đề nhạy cảm, có liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau (giám sát ngân hàng, điều tra, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố). Hiện nay, việc chia sẻ, khai thác thông tin đã được điều chỉnh tại các luật chuyên ngành như Luật Phòng, chống rửa tiền 2022, Luật Các tổ chức tín dụng 2024, và các văn bản hướng dẫn thi hành. Những quy định này đã xác định rõ trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin giữa NHNN và các cơ quan có thẩm
---	--------------------------	--	---

			quyền, trong đó bao gồm cả cơ quan công an. Do vậy, dự thảo Nghị định không đặt ra quy định mới về cơ chế phối hợp chia sẻ dữ liệu, nhằm tránh trùng lặp hoặc mâu thuẫn với các luật chuyên ngành hiện hành.
Nội dung quy định tại Điều 12 về nội dung và hình thức thanh tra ngân hàng ... 2. Hình thức thanh tra ngân hàng: a) Hoạt động thanh tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất: ... b) Hoạt động thanh tra được tiến hành trực tiếp, trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. Hoạt động thanh tra trực tuyến, thanh tra từ xa được thực hiện theo quy định.	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung về quy định bảo mật thông tin, bảo vệ tài liệu thanh tra theo quy định tại Luật Thanh tra, nhất là trong trường hợp thanh tra trực tuyến, thanh tra từ xa (được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Dự thảo Nghị định).	- Theo quy định tại Quyết định 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, các tài liệu thuộc bí mật nhà nước độ Mật trong hoạt động thanh tra gồm: + Kế hoạch tiến hành thanh tra đột xuất trước khi công bố với đối tượng thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra; + Báo cáo kết quả thanh tra của thành viên Đoàn thanh tra, của Đoàn thanh tra; + Nội dung Kết luận thanh tra chưa công khai. - Theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tại dự thảo Nghị định, NHNN đã dẫn chiếu quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra để bảo đảm áp dụng đầy đủ các cách thức tiến hành hoạt động thanh tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử, quy định về hình thức công bố quyết định thanh tra trực tiếp hoặc trực tuyến và việc sử dụng nhật ký điện tử của Đoàn thanh tra, nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong ngành Thanh tra.
	Kiểm toán nhà nước	Điểm b khoản 2 Điều 12 Dự thảo Nghị định quy định: “<i>Hoạt động thanh tra được tiến hành trực tiếp, trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. Hoạt động thanh tra trực tuyến, thanh tra từ xa được thực hiện theo quy định</i>”. Đề nghị nghiên cứu quy định làm rõ hoạt động thanh tra trực tuyến, thanh tra từ xa được thực hiện theo quy định nào (quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước....).	
	Thanh tra Chính phủ	Nghiên cứu, xem xét bổ sung những quy định hướng dẫn về thanh tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử cho phù hợp với đặc thù của Thanh tra ngành Ngân hàng.	
Nội dung quy định tại Điều 13 về thời hạn thanh tra (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 15) 1. Thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra do Thanh tra Ngân hàng Nhà	Kiểm toán nhà nước	Điều 13 Dự thảo Nghị định quy định về Thời hạn thanh tra: Đề nghị quy định làm rõ thời hạn thanh tra tính theo ngày làm việc hay ngày theo lịch, đồng thời đề nghị để thống nhất quy định về “ngày” trong hoạt động thanh tra ngân hàng, hiện tại có	Việc quy định “ngày” tại khoản 1, 2 Điều 13 dự thảo Nghị định (không phải “ngày làm việc”) được bám sát quy định tại Điều 20 Luật Thanh tra. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, NHNN đã

nước tiến hành không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá 25 ngày. 2. Thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra do Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành không quá 20 ngày; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày. ...		quy định “ngày làm việc”, “ngày” cho thống nhất.	rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định và chỉnh sửa như sau: + Tại điểm a khoản 5 Điều 21 thành: “a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra theo quy định...” (bỏ cụm từ “làm việc”). + Tại điểm a khoản 5 Điều 22 thành: “a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra theo quy định...” (bỏ cụm từ “làm việc”) để phù hợp với quy định tại Luật Thanh tra.
Nội dung quy định tại Điều 15 về báo cáo kết quả thanh tra (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 17) 1. Sau khi kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thanh tra gửi đến người ra quyết định thanh tra. Nội dung báo cáo kết quả thanh tra thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 33 Luật Thanh tra. 2. Thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra được tính từ ngày Đoàn thanh tra kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp và được quy định như sau: a) Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 20 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.	Kiểm toán nhà nước	Điều 15 Dự thảo Nghị định quy định về báo cáo kết quả thanh tra: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định hướng dẫn báo cáo kết quả thanh tra đối với hình thức thanh tra trực tuyến, từ xa và thanh tra đột xuất cho đầy đủ (hiện dự thảo Nghị định đang hướng dẫn Báo cáo kết quả thanh tra đối với hình thức thanh tra trực tiếp).	Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa quy định này như sau: “1. Sau khi kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thanh tra gửi đến người ra quyết định thanh tra. Nội dung báo cáo kết quả thanh tra thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 33 Luật Thanh tra” (bỏ cụm từ “trực tiếp”)

b) Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày. 3. Người ra quyết định thanh tra xem xét, đánh giá các nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định thanh tra yêu cầu Trường đoàn thanh tra làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra.			
Nội dung quy định tại Điều 16 về kết luận thanh tra (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 18) 2. Dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải được thẩm định trước khi ký ban hành. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Thanh tra.	Bộ Tư pháp	- Khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định: dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải được thẩm định. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Thanh tra năm 2025 thì Dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra tỉnh phải được thẩm định trước khi ký ban hành. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra của các cơ quan thanh tra khác được thực hiện khi cần thiết. Như vậy, việc đề xuất quy định thẩm định bắt buộc với dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực tại khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định cần phải được cân nhắc để bảo đảm phù hợp, khả thi.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa quy định này theo hướng: Dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước phải được thẩm định trước khi ký ban hành. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra NHNN Khu vực được thực hiện khi cần thiết. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Thanh tra.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra ký ban hành kết luận		- Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định: Chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước... phải có	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa quy định này theo hướng:

thanh tra và chịu trách nhiệm về kết luận, kiến nghị của mình. Chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung được báo cáo; ...		ý kiến bằng văn bản về nội dung được báo cáo. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Thanh tra năm 2025 thì thời hạn này là 30 ngày. Vì vậy, đề nghị chỉnh lý lại nội dung này.	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Thống đốc NHNN, Giám đốc NHNN Khu vực phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung được báo cáo...
Nội dung quy định tại Điều 17 về công khai kết luận thanh tra (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 19) 1. Kết luận thanh tra phải được công khai, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của pháp luật hoặc nội dung nhạy cảm theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà việc công bố có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc an toàn hoạt động tiền tệ, ngân hàng. 2. Nội dung nhạy cảm mà việc công bố có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc an toàn hoạt động tiền tệ, ngân hàng, gồm: a) Nội dung có thể tạo hiệu ứng rút tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Nội dung có thể tác động tiêu cực đến đối tượng thanh tra ngân hàng khác hoặc ảnh hưởng tới toàn hệ thống ngân hàng; c) Nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của đối tượng thanh tra ngân hàng có thể dẫn đến mất an toàn hoạt động của đối	Bộ Công an	Điều 17 về công khai kết luận thanh tra, nội dung công khai được quy định rõ nhưng nghiên cứu, xem xét bổ sung thiết lập nguyên tắc công khai mặc định, trừ các nội dung thuộc bí mật theo danh mục cụ thể; bổ sung quy định về hình thức công khai trực tuyến, minh bạch qua Cổng thông tin của NHNN nhằm tăng cường niềm tin xã hội và hiệu lực giám sát của nhân dân.	Các hình thức công khai kết luận thanh tra được quy định cụ thể, chi tiết tại Luật Thanh tra, cụ thể: a) Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức họp báo; b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; c) Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng tại nơi tiến hành thanh tra; d) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm công khai kết luận thanh tra theo hình thức quy định tại điểm b nêu trên và một trong các hình thức quy định tại các điểm a, c và d nêu trên. Như vậy, đã có quy định công khai bằng hình thức đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp là hình thức công khai kết luận thanh tra bắt buộc; không cần thiết phải bổ sung thiết lập nguyên tắc công khai mặc định,

tượng thanh tra ngân hàng; d) Nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến cung, cầu trên thị trường tiền tệ và điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước; đ) Nội dung có thể tác động làm khách hàng ngừng, chấm dứt hợp đồng sử dụng dịch vụ ngân hàng dẫn đến rủi ro mất an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có liên quan; e) Nội dung có liên quan đến vi phạm pháp luật, dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc đang được cơ quan chức năng xem xét, xử lý; g) Các nội dung nhạy cảm khác theo quy định của pháp luật. 3. Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xác định nội dung kết luận thanh tra được công khai. Thời gian công khai, hình thức công khai kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra. 	Thanh tra Chính phủ Bộ Tư pháp	- Hướng dẫn “bí mật khác” trong ngành Ngân hàng tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định, ví dụ như bí mật thông tin khách hàng. - Nghiên cứu, rà soát quy định cho phù hợp nhằm tránh việc hạn chế công khai kết luận thanh tra tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định... Khoản 1, 2 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định kết luận thanh tra không được công khai trong hợp “nội dung nhạy cảm”, chẳng hạn như: <i>nội dung có thể tạo hiệu ứng rút tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; nội dung có thể tác động tiêu cực đến đối tượng thanh tra ngân hàng...</i>; <i>nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của đối tượng thanh tra ngân hàng...</i> Tuy nhiên, khoản 2 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025 quy định: Kết luận thanh tra phải được công khai, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của luật; đồng thời, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân cũng đã quy định: <i>kế hoạch, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật</i>. Như vậy, Luật Thanh tra không có quy định về trường hợp không công khai kết luận thanh tra do có “nội dung nhạy cảm”. Mặt khác, vấn đề xác định các nội dung nhạy cảm như quy định tại Điều 17 dự thảo Nghị định là tương đối định tính, chung chung, chưa bảo đảm rõ ràng, minh bạch. Do đó, đề nghị xem xét bỏ quy định này hoặc cân nhắc lựa chọn các hình	trừ các nội dung thuộc bí mật theo danh mục cụ thể. 1. Đối với ý kiến của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn “bí mật khác” trong ngành Ngân hàng”, NHNN giải trình như sau: “Bí mật khác” trong ngành Ngân hàng đã được pháp luật hiện hành quy định cụ thể tại một số văn bản như: Quyết định số 2182/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Ngân hàng; Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ quy định về giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... Do đó, dự thảo Nghị định không cần bổ sung hướng dẫn riêng, mà tiếp tục viện dẫn và áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực hiện hành. 2. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ về công khai kết luận thanh tra, NHNN đã rà soát và chỉnh sửa theo hướng: - Kết luận thanh tra phải được công khai, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của pháp luật. - Bỏ quy định công khai kết luận trừ “nội dung nhạy cảm mà việc công bố có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc an toàn hoạt động tiền tệ, ngân hàng”.
--	--	---	---

		thức công khai phù hợp với đặc thù của lĩnh vực ngân hàng theo các hình thức công khai kết luận tại khoản 3 Điều 32 Luật Thanh tra năm 2025.	
Nội dung quy định tại Điều 22 về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra ngân hàng và của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 23) 1. Đối tượng thanh tra ngân hàng có trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra ngân hàng phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Thanh tra ngành Ngân hàng và theo quy định tại Nghị định này, các quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Thanh tra ngành Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu, kết quả về thanh tra ngân hàng phải có trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng mục đích và quy định của pháp luật; không sử dụng thông tin, tài liệu và kết quả thanh tra ngân hàng làm ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định, an toàn hoạt động ngân hàng và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 4. Trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an	Thanh tra Chính phủ	Nghiên cứu bổ sung quy định về quyền của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tại Điều 22 dự thảo Nghị định.	Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra ngân hàng đã được quy định tại Luật Thanh tra (Điều 50), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Điều 53), Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (Điều 208) và các quy định khác của pháp luật có liên quan; do vậy, dự thảo Nghị định không quy định lại những vấn đề đã được quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên. Về quyền và trách nhiệm của “cơ quan, tổ chức, cá nhân” có liên quan đã được quy định tại Luật Thanh tra và tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định

toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, tài sản của Nhà nước và tiền gửi của nhân dân, Thanh tra ngành Ngân hàng yêu cầu: a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra ngành Ngân hàng tiến hành thanh tra công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng theo nội dung của Thanh tra ngành Ngân hàng. b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, thanh tra công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng thực hiện thanh tra và cung cấp đầy đủ, kịp thời kết quả thanh tra theo yêu cầu của Thanh tra ngành Ngân hàng.			
Nội dung quy định tại Điều 23 về phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, kiểm sát, kiểm tra, giám sát (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 24) 1. Thanh tra ngành Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, kiểm sát, kiểm tra theo quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Thanh tra. 2. Phối hợp giữa hoạt động thanh tra ngân hàng với hoạt động giám sát ngân hàng. a) Kết quả giám sát ngân hàng là một trong những căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm và xác định phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra ngân hàng.	Bộ Nội vụ	Về mối quan hệ giữa hoạt động thanh tra ngân hàng với hoạt động giám sát ngân hàng đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể hơn về cách thức, quy chế phối hợp giữa cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra ngân hàng với cơ quan, đơn vị có chức năng giám sát ngân hàng tại dự thảo Nghị định, bảo đảm việc thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.	Quy định về phối hợp giữa hoạt động thanh tra ngân hàng với hoạt động giám sát ngân hàng tại NHNN (Cục Quản lý, giám sát TCTD, Cục An toàn hệ thống các TCTD...), được quy định rõ ràng, chi tiết tại khoản 2 Điều 24 dự thảo Nghị định, cụ thể: a) Kết quả giám sát ngân hàng là một trong những căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm và xác định phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra ngân hàng. b) Căn cứ kết quả giám sát ngân hàng, người có thẩm quyền có thể ra quyết định thanh tra đối tượng thanh tra ngân hàng. c) Kết quả thanh tra là một trong những căn cứ triển khai các hoạt động giám sát ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Việc phối hợp giữa hoạt động thanh tra ngân hàng với

b) Căn cứ kết quả giám sát ngân hàng, người có thẩm quyền có thể ra quyết định thanh tra đối tượng thanh tra ngân hàng. c) Kết quả thanh tra là một trong những căn cứ triển khai các hoạt động giám sát ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 3. Phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước với bộ, cơ quan ngang bộ trong hoạt động thanh tra ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Ngân hàng Nhà nước.			hoạt động giám sát ngân hàng được các đơn vị liên quan thuộc NHNN thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và Quy chế làm việc của NHNN.
Nội dung quy định tại Điều 24 về phối hợp thanh tra giữa Ngân hàng Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài (dự thảo Nghị định đã điều chỉnh thành Điều 25) 1. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài trong việc thanh tra ngân hàng theo quy định tại Điều 61 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Thanh tra, kiểm tra của bên nước ngoài: a) Cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài được thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Trước khi thanh tra, kiểm tra, cơ quan có thẩm	Bộ Công an	Điều 24 liên quan đến trách nhiệm phối hợp quốc tế. Nghiên cứu, bổ sung quy định rõ nguyên tắc bảo mật dữ liệu thanh tra khi phối hợp với nước ngoài để đảm bảo không vi phạm chủ quyền, luật pháp Việt Nam và an ninh tài chính tiền tệ quốc gia. Cần dẫn chiếu rõ tới các điều ước, thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương giữa NHNN và các cơ quan thanh tra nước ngoài.	Điều 61 Luật NHNN đã quy định về việc phối hợp thanh tra, giám sát ngân hàng giữa Ngân hàng Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng của nước ngoài như sau: 1. Ngân hàng Nhà nước trao đổi thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng của nước ngoài trong việc thanh tra, giám sát đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài. 2. Ngân hàng Nhà nước thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng của nước ngoài về hình thức, nội dung, cơ chế trao đổi thông tin và phối hợp thanh tra, giám sát phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Tại khoản 4 Điều 24 dự thảo Nghị định đã quy định “Việc cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kết quả thanh tra giữa Ngân hàng Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền thanh tra

quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) về nội dung, thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc thanh tra, kiểm tra. b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài ban hành báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra thì cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài phải gửi báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước). c) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật hoặc những hoạt động bất thường, nguy cơ có khả năng ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam thì cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài phải thông báo ngay bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) và kiến nghị, đề xuất biện pháp xử lý (nếu có). 3. Trong trường hợp cần thiết, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra công ty con, đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định này và quy			ngân hàng của nước ngoài tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và thỏa thuận đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài”. Như vậy, liên quan đến trách nhiệm phối hợp quốc tế, dự thảo Nghị định đã quy định rõ ràng, theo nguyên tắc tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và thỏa thuận đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài.
--	--	--	---

định của pháp luật có liên quan, đồng thời chấp hành pháp luật tại nước tiến hành thanh tra, kiểm tra và theo thỏa thuận đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài. 4. Việc cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kết quả thanh tra giữa Ngân hàng Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và thỏa thuận đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền thanh tra ngân hàng của nước ngoài.			
---	--	--	--

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

	Bộ Công an	Nghiên cứu bổ sung chế tài xử lý đối tượng thanh tra cố tình trì hoãn, cung cấp thông tin sai lệch hoặc không hợp tác. Quy định rõ hơn về ứng dụng công nghệ thông tin và thanh tra từ xa, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng.	1. Về chế tài xử lý đối tượng thanh tra cố tình trì hoãn, cung cấp thông tin sai lệch hoặc không hợp tác đã được quy định tại Điều 48, 49 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (và các văn bản sửa đổi, bổ sung). 2. Về nội dung “quy định rõ hơn về ứng dụng công nghệ thông tin và thanh tra từ xa, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng”: Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra ngân hàng đã và đang được NHNN triển khai áp dụng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra (Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa (trong đó có yêu cầu về việc cập nhật các thông tin liên quan đến kết luận thanh tra); hệ thống báo cáo thống kê theo Thông tư 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 là hình thức thu thập thông tin thống kê từ các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để
--	--------------------------	---	--

			đáp ứng việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng). Trong thời gian tới, NHNN sẽ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ hiệu quả cho công tác thanh tra ngân hàng, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng. Liên quan đến quy định về thanh tra trực tuyến, từ xa: Theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tại dự thảo Nghị định, NHNN đã dẫn chiếu quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra để bảo đảm áp dụng đầy đủ các cách thức tiến hành hoạt động thanh tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử, quy định về hình thức công bố quyết định thanh tra trực tiếp hoặc trực tuyến và việc sử dụng nhật ký điện tử của Đoàn thanh tra, nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong ngành Thanh tra.
	Bộ Nội vụ	Về các nội dung phân cấp, đề nghị nghiên cứu, rà soát kỹ các nội dung phân cấp thẩm quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra, bảo đảm xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm từng chủ thể gồm Thống đốc NHNN, Chánh Thanh tra NHNN, Giám đốc NHNN Khu vực, Chánh Thanh tra NHNN Khu vực. Trường hợp Thống đốc NHNN muốn phân cấp thẩm quyền của mình (đang được quy định tại Luật) thì Thống đốc NHNN ban hành Thông tư để thực hiện phân cấp (không quy định tại Nghị định này).	Các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thống đốc NHNN, Chánh Thanh tra NHNN, Giám đốc NHNN khu vực, Chánh Thanh tra NHNN Khu vực quy định tại dự thảo Nghị định đã bám sát và phù hợp với quy định tại Luật Thanh tra (Điều 14, Điều 18, Điều 22, Điều 38, Điều 52, Điều 53...), trong đó quy định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Chánh Thanh tra Bộ và Chánh Thanh tra các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và NHNN.
	Thanh tra Chính phủ	Dự thảo Nghị định cần lưu ý thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm	NHNN đã rà soát các quy định tại dự thảo thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chỉ quy định những vấn đề

		quyền của Chính phủ, do Luật Thanh tra giao	thuộc thẩm quyền của Chính phủ, do Luật Thanh tra giao.
	Thanh tra Chính phủ	Không quy định lại những vấn đề đã được quy định tại Luật Thanh tra và Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra, nhất là những quy định tại Chương III dự thảo Nghị định về hoạt động của Thanh tra ngành Ngân hàng, như Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16...	Việc quy định lại một số nội dung đã được quy định trong Luật Thanh tra và Nghị định số 216/2025/NĐ-CP là cần thiết, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn hoạt động thanh tra ngành Ngân hàng. Các quy định tại dự thảo Nghị định đã được biên tập, điều chỉnh để gắn với phạm vi, đối tượng, đặc thù quản lý của ngành Ngân hàng, qua đó bảo đảm tính khả thi và tránh tình trạng phải tra cứu nhiều văn bản pháp luật khác nhau khi triển khai. Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy quy định về “nội dung thanh tra ngân hàng” đã được quy định cụ thể tại Điều 55 Luật Ngân hàng Nhà nước và quy định về “hình thức thanh tra ngân hàng” đã được quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra, do đó Thanh tra NHNN đề xuất sửa như sau: “1. Nội dung thanh tra ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Ngân hàng Nhà nước”. “2. Hoạt động thanh tra ngân hàng được thực hiện theo hình thức quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra”.
	Bộ Tài chính	Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/4/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN. Do đó, đề nghị NHNN rà soát Luật Thanh tra và hoạt động cụ thể của cơ quan thanh tra trong NHNN để quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Ngân hàng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Các nội dung quy định đặc thù cho Thanh tra ngành Ngân hàng cần phải có giải trình, thuyết minh cụ thể.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, NHNN đã có giải trình, thuyết minh cụ thể đối với các nội dung quy định đặc thù cho Thanh tra ngành Ngân hàng

Phạm